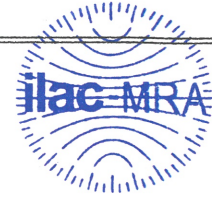


Số: 06411/2025/PKQ (NT/2511.028)



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Minebea AccessSolutions Việt Nam  
 Địa chỉ: KCN Đồng Văn II, phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình  
 Địa điểm quan trắc: KCN Đồng Văn II, phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình

Tên mẫu	NT đầu ra sau xử lý chung của công ty
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	04/11/2025
Người bàn giao mẫu	Nguyễn Năng Thanh
Thời gian thử nghiệm	04/11/2025 – 14/11/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B
1	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	SMEWW 2550B:2023	20	40
2	Màu <sup>(b)</sup>	Pt/Co	TCVN 6185:2015	24	150
3	pH <sup>(a,b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,0	5,5 ÷ 9
4	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	18,5	50
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	33,9	150
6	Chất rắn lơ lửng <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	11	100
7	Crom (VI) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Cr B:2023	<0,007	0,1
8	Crom (III) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6658: 2000+ SMEWW 3113 Cr:B: 2023	0,011 (LOQ=0,021)	1
9	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6193:1996	0,029 (LOQ=0,06)	2
10	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6193:1996	1,99	3
12	Mangan (Mn) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,04 (LOQ=0,06)	1
13	Sắt (Fe) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6177:1996	0,44	5
14	Tổng xianua (CN <sup>-</sup> ) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,005	0,1
15	Tổng phenol <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,5
16	Tổng dầu mỡ khoáng <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	0,9	10
17	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	0,5
18	Florua <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500F- .B&D:2023	0,98	10
19	Amoni (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	US EPA Method 350.2	7,28	10
20	Tổng nito <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	37,52	40
21	Tổng phot pho (tính theo P) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	4,1	6
22	Tổng coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	1.100	5.000
23	Lưu lượng <sup>(b)</sup>	m <sup>3</sup> /h	CEECS/NT/HT/LL	1,5	-

510.01.10 Lần ban hành: 01 Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT  
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội  
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com  
VILAS 557 - VIMCERTS 195



**Ghi chú:**

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;
- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định;
- <sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huê

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*T.S. Nguyễn Văn Vũ*

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 06810/2025/PKQ (NT/2511.368)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Minebea AccessSolutions Việt Nam

Địa chỉ: KCN Đồng Văn II, phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình

Tên mẫu	Nước thải
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Mẫu ở điều kiện thường
Ngày nhận mẫu	25/11/2025
Thời gian thử nghiệm	25/11/2025 – 04/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B
1	Niken (Ni) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6193:1996	0,41	0,5

### Ghi chú:

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;
- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- <sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195.

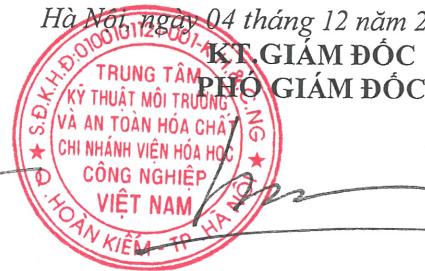
NGƯỜI LẬP PHIẾU

CÁN BỘ QA/QC

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Trịnh Thị Huế

Nguyễn Ngọc Việt



Th.S. Nguyễn Văn Vũ

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm

